

Số: 2571 /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 19 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức, quản lý và điều hành Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư số 130/2011/TTLT-BTC- BKHCN ngày 16/9/2011 của Bộ tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ về việc Quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 18 /TTr-SKHCN ngày 22 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015”.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, TTCB tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên

DỰ ÁN

**Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
giai đoạn 2012-2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2541/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

- Tên dự án:** “Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015”.
- Thuộc Chương trình:** Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” được phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan chủ trì dự án:** UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Cơ quan quản lý dự án:** Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Phạm vi, đối tượng của dự án:**
 - Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sản xuất các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh.
 - Sản phẩm, hàng hóa (SPHH) chủ lực của tỉnh.

II. BỐI CẢNH CỦA DỰ ÁN:

1. Đánh giá hiện trạng về năng suất và chất lượng:

1.1. Hiện trạng chung:

Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ của vùng với nhiều tiềm năng phong phú. Trong những năm qua, nền kinh tế của tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế hợp lý, chuyển dịch đúng hướng.

Giai đoạn 2006-2010, GDP tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có tốc độ tăng trưởng đạt 7,7%/năm (trừ dầu thô và khí đốt 17,78%/năm). Trong đó, theo đúng định hướng của tỉnh, tốc độ tăng của ngành công nghiệp và xây dựng giảm, trong khi khu vực dịch vụ tăng nhanh.

Thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2010), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã cơ bản hoàn thành đạt được những thành tựu quan trọng, khá toàn diện, có nhiều mặt phát triển mạnh mẽ. Kinh tế đã tận dụng được lợi thế so sánh, phát triển nhanh, tốc độ tăng trưởng và thu nhập bình quân đầu người khá cao và trở thành tỉnh có quy mô kinh tế lớn trong vùng động lực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tăng dần tỷ trọng dịch vụ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển, đã và đang hình thành các trung tâm công nghiệp, cảng, du lịch.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh theo hướng thúc đẩy phát triển nhanh khu vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ du lịch, dịch vụ cảng và thương mại; phát triển các ngành

công nghệ hiện đại, năng suất lao động cao, sản xuất hàng hóa bảo đảm chất lượng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ từng ngành kinh tế để nâng cao hiệu quả, tiến tới phát triển kinh tế tri thức.

Quy mô và tăng trưởng kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo lĩnh vực

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2000	2005	2009	2010	Tăng trưởng (%/năm)	
					2001 - 2005	2006-2010
<i>Chia theo ngành kinh tế</i>	22.337,1	35.619,9	33.079,4	36.307,7	12,37	7,7
- Nông, lâm ngư nghiệp	917,7	1.552,7	2.631,1	2.754,2	14,05	12,15
- Công nghiệp, xây dựng	18.105,5	29.778,1	24.737,9	27.256,4	13,25	-1,75
- Khu vực dịch vụ	3.313,9	4.289,1	5.710,4	6.297,1	6,66	7,98

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2009

1.2. Tình hình sản xuất các sản phẩm, hàng hóa ngành chủ lực:

1.2.1. Tình hình chung:

Giai đoạn từ 2001 đến 2005, cơ cấu kinh tế không có nhiều biến động, tuy nhiên trong 5 năm gần đây 2006-2010, khu vực dịch vụ đã gia tăng nhanh chóng, từ 12% năm 2005 lên đến hơn 17% GDP, trong khi công nghiệp và xây dựng giảm từ hơn 80% xuống còn khoảng 75% GDP. Đây là cơ cấu phù hợp với xu thế chung của toàn cầu hoá.

Trong các ngành công nghiệp, có sự thay đổi rõ rệt trong cơ cấu sản xuất công nghiệp của tỉnh, trong đó ngành công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến dần dần thay đổi tỷ lệ cho nhau; ngành công nghiệp phân phối khí, điện và nước đã phát triển bão hòa và ít có sự thay đổi. Do ngành khai thác dầu thô có xu hướng giảm dần sản lượng khai thác hàng năm, nên cơ cấu trong GTSX càng giảm, trong khi công nghiệp chế biến ngày càng chiếm tỷ lệ cao, vì có thêm nhiều dự án sản xuất công nghiệp mới đi vào hoạt động.

Bên cạnh đó phát triển công nghiệp hỗ trợ là hướng đi mới của Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo định hướng của tỉnh khu Công nghiệp chuyên sâu về cơ khí chế tạo trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ được xây dựng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là Nhật Bản.

Như vậy, cơ cấu GTSX ngành công nghiệp của tỉnh đã phát triển đúng theo mục tiêu là giảm dần công nghiệp khai thác và tăng công nghiệp chế biến, hỗ trợ.

Đối với ngành nông nghiệp, hiện nay kinh tế nông nghiệp của tỉnh chỉ chiếm 4% tổng sản phẩm GDP trong khi lao động nông nghiệp chiếm khoảng 2/3 dân số. Điều này cho thấy hiệu quả kinh tế ở lĩnh vực nông nghiệp chưa cao. Ngoài ra, cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở nông thôn đã hình thành các khu công nghiệp, khu đô thị làm xuất hiện một bộ phận hộ nông nghiệp không còn đất để sản xuất. Do vậy mục tiêu mà ngành nông nghiệp tỉnh đang hướng tới là đẩy mạnh quá trình đưa khoa học công nghệ vào sản xuất để phát triển bền vững, ổn định và hiệu quả.

Trong 5 năm trở lại đây Bà Rịa – Vũng Tàu đã vươn lên mạnh mẽ trong lĩnh vực du lịch. Cùng với ưu thế về bờ biển, sự phát triển của hệ thống đường giao thông, cơ sở hạ tầng là động lực mạnh mẽ thúc đẩy ngành du lịch phát triển. Tuy nhiên, hiện nay du lịch Bà Rịa – Vũng Tàu đang mất dần tính hấp dẫn và sức cạnh tranh với các tỉnh thành có cùng lợi thế. Do vậy, để hướng tới đẳng cấp du lịch quốc tế, Bà Rịa – Vũng Tàu phải

có quy hoạch và đầu tư bài bản, có chiến lược marketing với tầm nhìn quốc tế để làm tăng đẳng cấp cho ngành du lịch.

1.2.2. Tình hình sản xuất cụ thể của một số sản phẩm chủ yếu:

a) Công nghiệp hỗ trợ:

Chính sách phát triển một số ngành CNHT đã được Chính phủ thông qua đầu năm 2011. Theo đó, Bà Rịa - Vũng Tàu và Hải Phòng là hai địa phương xây dựng phát triển thành trung tâm CNHT của cả nước. Đây là hướng đi phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp chủ yếu là gia công, lắp ráp, sản xuất thiết bị - linh kiện và tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu.

Đầu năm 2012, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã phê duyệt Quy hoạch Phát triển ngành CNHT đến năm 2020, xét đến năm 2025. Theo đó, CNHT sẽ làm nền tảng cho các ngành công nghiệp, trở thành một mắt xích trong mạng lưới sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia, trong mạng lưới sản xuất Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, cả nước và khu vực. Để phát triển CNHT, tỉnh sẽ huy động tối đa năng lực của các thành phần kinh tế, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia và hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Quy hoạch Phát triển ngành CNHT của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xác định rõ các ngành, lĩnh vực ưu tiên, cùng những định hướng phát triển cụ thể. Đó là CNHT trong các ngành cơ khí - chế tạo, điện - điện tử, hoá chất.

Về CNHT ngành cơ khí - chế tạo, tỉnh chủ trương tập trung thu hút đầu tư vào các lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh:

- CNHT ngành cơ khí cho các ngành công nghiệp chế tạo sản phẩm tiêu dùng, sản xuất linh kiện ô tô, xe máy, điện tử gia dụng... phục vụ nhu cầu chế tạo, sản xuất trong nước, đặc biệt là tại Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, cũng như tận dụng ưu thế về cảng biển để xuất khẩu;

- CNHT ngành cơ khí phục vụ khai thác và chế biến dầu khí;

- CNHT ngành cơ khí phục vụ công nghiệp tàu thủy.

Phấn đấu đến năm 2015, tỷ trọng CNHT ngành cơ khí - chế tạo đạt khoảng 70% giá trị sản xuất công nghiệp các ngành CNHT của tỉnh; sau đó giảm dần, nhưng vẫn ở mức cao, chiếm 60% giá trị sản xuất công nghiệp các ngành CNHT năm 2020 và 50% vào năm 2025.

Với CNHT ngành điện - điện tử, hướng phát triển là không chỉ phục vụ ngành công nghiệp điện - điện tử, mà còn cung cấp linh kiện phục vụ các ngành công nghiệp khác. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ trọng CNHT ngành điện - điện tử đạt khoảng 12% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của các ngành CNHT của tỉnh, tăng nhanh ở các giai đoạn tiếp theo, chiếm 24% tổng giá trị sản xuất công nghiệp các ngành CNHT năm 2020 và 34% năm 2025.

Còn với CNHT ngành hóa chất, việc phát triển phải gắn với Quy hoạch Phát triển công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể của cả nước cũng như của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Tỉnh chủ trương phát triển CNHT ngành hóa chất trên cơ sở không chỉ phục vụ ngành công nghiệp hóa chất, mà theo hướng sản phẩm của CNHT ngành hóa chất là các nguyên vật liệu, linh kiện phục vụ các ngành công nghiệp chế tạo của tỉnh, của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước.

Khuyến khích phát triển công nghiệp lọc hóa dầu với công nghệ hiện đại, nhằm tạo ra sản phẩm có đủ sức cạnh tranh, góp phần giảm nhập khẩu, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về các sản phẩm hóa chất, nhựa, chất dẻo và cao su tổng hợp ở thị trường nội địa.

Phấn đấu đến năm 2015, tỷ trọng CNHT ngành hóa chất đạt khoảng 20% tổng giá trị sản xuất các ngành CNHT của tỉnh, giảm dần ở các giai đoạn tiếp theo, nhưng vẫn ở mức cao, chiếm khoảng 15% tổng giá trị sản xuất các ngành CNHT.

Với việc quy hoạch phát triển ngành CNHT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang chuẩn bị nền tảng cho việc xây dựng và phát triển thành trung tâm CNHT của cả nước. Ngành CNHT được kỳ vọng sẽ góp phần quan trọng đưa Bà Rịa – Vũng Tàu hội nhập sâu rộng và phát triển mạnh mẽ hơn trong những năm tới.

b) Chế biến thủy sản:

Là một địa phương đứng thứ hai cả nước về khai thác thủy hải sản, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có những lợi thế trong việc phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy hải sản. Một số sản phẩm của ngành có thương hiệu, chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước. Công nghệ và quy mô của các nhà máy chế biến phát triển mạnh hơn so với một số địa phương khác.

Đánh bắt và chế biến hải sản là một nghề truyền thống của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến nay số tàu đánh cá trên địa bàn tỉnh có 5.398 chiếc, với tổng công suất 700.000 CV (bình quân 130 CV/chiếc), trong đó có 2.530 chiếc tàu khai thác xa bờ, chiếm tỷ lệ 46,5% (năm 2005 là 45%); sản lượng khai thác hải sản năm 2010 ước đạt 237 ngàn tấn, tăng 10,42% so với năm 2005. Hiện nay tỉnh đứng thứ 2 về sản lượng khai thác hải sản trong 28 tỉnh có biển (sau tỉnh Kiên Giang). Về chế biến thủy sản, đến nay trên địa bàn tỉnh có 172 doanh nghiệp chế biến hải sản, trong đó 35 doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn HACCP (có 20 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện xuất khẩu vào EU), kim ngạch xuất khẩu từ năm 2006 – 2011 như sau:

- Năm 2006: 189,73 triệu USD
- Năm 2007: 213,06 triệu USD
- Năm 2008: 260,56 triệu USD
- Năm 2009: 260,56 triệu USD
- Năm 2010: 258,24 triệu USD
- Năm 2011: 311,25 triệu USD.

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có nhiều tiềm năng kinh tế biển với 305,4 km bờ biển, 6 cửa luồng lạch thuận tiện cho tàu thuyền đánh cá và 100.000 km² thềm lục địa với 661 loài cá, 35 loài tôm, 23 loài mực. Khả năng khai thác hải sản hàng năm từ 170-200 ngàn tấn. Tuy nhiên trữ lượng hải sản ven bờ đang có xu hướng giảm do hầu hết tàu thuyền có công suất nhỏ, không đủ điều kiện đánh bắt xa bờ. Bà Rịa - Vũng Tàu có tiềm năng khai thác hải sản to lớn không chỉ do trữ lượng hải sản tại ngư trường của tỉnh nhiều mà được quyết định bởi các yếu tố như vị trí địa lý của tỉnh; năng lực đánh bắt hiện tại và hệ thống hậu cần nghề cá và kinh nghiệm của ngư dân. Nhìn chung, tài nguyên biển rất thuận lợi cho phát triển vận tải biển, hệ thống cảng và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản.

c) Nông nghiệp:

Cùng với sự phát triển của ngành chế biến thủy sản là sự phát triển tương ứng của ngành nông nghiệp (cao su, hạt điều, hồ tiêu, ca cao, rau sạch...). Chất lượng các sản

phẩm nông nghiệp do các doanh nghiệp trong tỉnh sản xuất, chế biến từng bước được nâng cao. Kim ngạch xuất khẩu cao su, hạt điều năm 2011 tăng nhanh so với năm 2010 (cao su đạt 31,1 triệu USD, tăng 54,79% so với năm 2010; hạt điều đạt 59,35 triệu USD, tăng 53,67% so với năm 2010). Diện tích cao su, điều tiếp tục được quy hoạch, phát triển và mở rộng (cao su là 23.402 ha; điều là 13.033 ha).

d) Du lịch - Dịch vụ :

Du lịch tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là một trong 7 trọng điểm phát triển du lịch của quốc gia và là ngành mũi nhọn của tỉnh, gắn với các mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái và tôn tạo các di tích văn hoá- lịch sử. Các di tích lịch sử văn hóa đa dạng, hầu hết đều có khả năng khai thác phục vụ cho du lịch. Dự kiến phát triển các dự án du lịch theo hướng khai thác tiềm năng sinh thái tự nhiên, đồng thời phát triển các trung tâm thương mại dịch vụ du lịch và các trung tâm giải trí. 05 cụm du lịch được dự kiến là: Cụm du lịch thành phố Vũng Tàu và phụ cận; Cụm du lịch Long Hải- Phước Hải; Cụm du lịch Bình Châu; Cụm du lịch Núi Dinh; Cụm du lịch Côn Đảo.

Ngoài ra, hệ thống cảng biển trên địa bàn tỉnh được quy hoạch gồm 55 cảng, trong đó có 19 cảng tổng hợp, container, 36 cảng chuyên dùng với tổng công suất 275 triệu tấn/năm. Đến nay, 24 cảng đã được đưa vào khai thác với công suất xếp dỡ là 67 triệu tấn hàng hóa/năm.

Trong năm 2011, tỉnh cũng đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 25 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký đạt gần 950 triệu USD và 38 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đạt gần 12.000 tỷ đồng. Và 5 tháng đầu năm 2012, tỉnh cũng đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 07 dự án FDI, vốn đăng ký 91 triệu USD (kể cả vốn tăng thêm); và 12 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 29.474 tỷ đồng. Đến nay trên địa bàn tỉnh số dự án còn hiệu lực là: 300 dự án FDI, vốn đăng ký 27,2 tỷ USD; và 427 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 208.268 tỷ đồng.

Riêng với 14 khu công nghiệp diện tích 8.400ha, hiện có 236 dự án đầu tư đã và đang xây dựng, một số nhà máy đã đi vào hoạt động thì nhu cầu phát triển ngành dịch vụ logistics là rất cấp thiết để phục vụ cho lượng hàng hóa luân chuyển.

e) Thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp:

Ngày 21/5, Chính phủ đã ban hành Nghị định 45/2012/NĐ-CP về khuyến công với mục tiêu góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới... Đây là một bước ngoặt mới cho ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Theo định hướng đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ phát triển 29 cụm CN-TTCN với quy mô khoảng 1.523ha. Tính đến tháng 6-2012, trong số 29 cụm CN-TTCN được quy hoạch phát triển giai đoạn đến năm 2010, có 24 cụm CN-TTCN được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giao cho các doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng, tổng số vốn thực hiện khoảng 584 tỷ đồng, đạt 18,38% tổng vốn đăng ký.

Về thủ công mỹ nghệ, trên địa bàn tỉnh hiện nay có khoảng 30 cơ sở chuyên sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ, tập trung chủ yếu tại địa bàn TP. Vũng Tàu. Tiềm năng và điều kiện sản xuất tiểu thủ công nghiệp và mỹ nghệ khá phong phú để tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và phục vụ khách tham quan du lịch, song chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức. Hầu hết các cơ sở sản xuất thủ công, rất ít cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ tiên tiến. Thị trường tiêu thụ thì tới 99,96% tại nội địa, tỷ trọng xuất khẩu chỉ chiếm 0,04%. Sản phẩm làm ra được tiêu thụ nhỏ lẻ tại các cửa hàng, siêu thị mỹ nghệ

Vùng Tàu nên sản lượng tiêu thụ không ổn định, còn bấp bênh, sản xuất ngày càng bị thu hẹp. Nhiều hộ tiểu thương đã bỏ nghề hoặc chuyển đổi sang ngành nghề khác. Đây là tình trạng báo động đối với một sản phẩm gắn liền với bộ mặt du lịch của tỉnh. Do vậy Thủ công mỹ nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cần phải được quan tâm và đầu tư nhiều hơn nữa.

1.3. Nhận xét chung:

1.3.1. Thuận lợi:

Những thuận lợi cơ bản để phát triển ngành Công nghiệp chế biến nói riêng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung của tỉnh là: với thế mạnh là nguyên liệu nông lâm thủy sản dồi dào, đa dạng và có sản lượng lớn; trang thiết bị và công nghệ của ngành chế biến đã từng bước đổi mới theo hướng hiện đại, áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...); các khu công nghiệp thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp vào đầu tư các nhà máy chế biến sản xuất hàng hoá; lực lượng lao động dồi dào, trình độ dân trí đã được nâng lên đáng kể; trong những năm qua, ngành công nghiệp đã sản xuất chế biến được một khối lượng hàng hoá lớn phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Chính sách phát triển và cơ chế quản lý năng động, thu hút được nhiều nguồn đầu tư phát triển, có chỉ đạo và đầu tư xác đáng lĩnh vực quy hoạch, trong đó chú trọng quy hoạch vùng và các quy hoạch xây dựng đô thị- công nghiệp và qui hoạch nông thôn.

1.3.2. Khó khăn:

Nền kinh tế tuy đã đạt được sự phát triển đáng kể, nhưng hiện nay còn mất cân đối trên nhiều mặt như: thiếu vốn đầu tư, sự phát triển kinh tế chưa cân đối với tiềm năng, thừa lao động nhưng lại thiếu lao động kỹ thuật có trình độ cao, thiếu hụt thông tin,... Hệ thống hạ tầng của tỉnh đã phát triển, nhưng hạ tầng trong nhiều khu công nghiệp còn chưa được đầu tư đầy đủ, nhất là nguồn cung cấp điện, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư.

Lao động tăng thêm hàng năm lớn, chủ yếu là lao động trong khu vực nông thôn, văn hóa thấp, chưa được đào tạo nghề, do vậy giải quyết việc làm cho họ là rất khó khăn. Dân số, lao động vừa là tiềm năng lớn cho việc phát triển kinh tế của tỉnh vừa là một thách thức gay gắt đối với việc giải quyết việc làm và nâng cao đời sống nhân dân. Tỉnh chưa có chính sách đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn.

Khu vực nông, lâm, thủy sản của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu còn chậm phát triển. Kinh tế biển chưa trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong tương lai gần. Muốn phát huy được những tiềm năng còn rất lớn này, cần phải xây dựng những đội tàu biển lớn và nhiều các dịch vụ đi kèm. Việc bảo vệ hải sản và vùng sinh thái ven bờ là những vấn đề rất quan trọng cần được quan tâm thích đáng.

Hạ tầng nhiều khu, cụm công nghiệp hệ thống xử lý nước thải chưa được đầu tư đồng bộ

2. Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển Bà Rịa – Vũng Tàu trở thành một tỉnh công nghiệp trước năm 2020, nền kinh tế phát triển với trọng tâm là các ngành kinh tế biển, đẩy mạnh phát triển dịch vụ; đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao rõ rệt chất lượng cuộc sống nhân dân và bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc, giữ vững ổn định

chính trị - xã hội". Theo đó, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức gấp 1,8 – 2 lần mức bình quân chung của cả nước. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng khu vực dịch vụ. Phát huy lợi thế cảng biển để phát triển các ngành dịch vụ gắn liền với lợi thế biển như: vận tải biển, dịch vụ hậu cần cảng, dịch vụ du lịch, dịch vụ dầu khí. Duy trì khai thác hải sản ở quy mô hợp lý. Phát triển công nghiệp hóa dầu, lọc dầu

2.2. Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân 14%/năm, kể cả dầu khí bình quân 10,8%/năm. Cơ cấu kinh tế công nghiệp, xây dựng 62% - dịch vụ 35% - nông nghiệp 3%, kể cả dầu khí: công nghiệp, xây dựng 66,3% - dịch vụ 31,1% - nông nghiệp 2,6%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 15,4%/năm, kể cả dầu khí tăng 11,66%/ năm.

- Doanh thu các ngành dịch vụ tăng 24,39%/năm, doanh thu thương mại tăng 25,52%/năm, doanh thu dịch vụ tăng 21,7%/năm, trong đó: dịch vụ du lịch tăng 15,9%/năm, dịch vụ cảng tăng 35%/năm, dịch vụ dầu khí tăng 22%/năm.

- Giá trị xuất khẩu trừ dầu khí đạt 7.280 triệu USD, tốc độ tăng 13,5%/năm, riêng xuất khẩu hải sản đạt 1.595 triệu USD, tốc độ tăng 7,84%/năm.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,46%/năm, trong đó trồng trọt tăng 3,5%/năm, chăn nuôi tăng 6,5%/năm. Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng 2,45%/năm. Giá trị sản xuất ngư nghiệp tăng 5,6%/năm.

- Huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 khoảng 240 nghìn tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với 5 năm 2006 - 2010, tốc độ tăng trưởng 16,6%/năm.

- Tổng thu ngân sách nội địa trong 5 năm đạt 113.000 tỷ đồng, gấp 1,6 lần so với giai đoạn 2006 - 2010, tốc độ tăng thu khoảng 10,4%/năm. Tổng chi ngân sách khoảng 39.800 tỷ đồng, tốc độ tăng chi khoảng 9,76%/năm.

III. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu chung

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh việc xây dựng các hệ thống quản lý tiên tiến kết hợp với áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng hiện đại, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, phát triển nguồn lực,... để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nâng cao nhận thức, năng lực cải tiến về năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa theo cách tiếp cận mới cho các doanh nghiệp, các Cơ quan, Ban, ngành có liên quan và cộng đồng trong tỉnh.

- Tạo bước chuyển biến rõ nét về năng suất, chất lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2. Các mục tiêu cụ thể:

2.1. Giai đoạn 2012-2015

- Tổ chức 12-15 hội nghị/hội thảo, lớp đào tạo, tập huấn, tọa đàm, phóng sự:

+ 01 hội nghị triển khai các nội dung của dự án (sau khi dự án được phê duyệt).

- + 01 Hội nghị chuyên đề triển khai hàng năm để tuyên truyền về kết quả xây dựng mô hình và vận động doanh nghiệp tham gia dự án.
- + 01 phóng sự, tọa đàm chuyên đề hàng năm để tuyên truyền đánh giá kết quả của dự án.
- + 02 - 03 lớp đào tạo, tập huấn hàng năm về quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ, năng suất xanh, du lịch xanh đối với phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cải tiến và nâng cao năng suất chất lượng cho các Sở, ban, ngành, và các Doanh nghiệp có sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh.

- Thí điểm áp dụng Chương trình cải tiến năng suất chất lượng cho 06 doanh nghiệp thuộc các ngành chủ lực của tỉnh với các nội dung cải tiến tập trung chủ yếu vào: chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào; đổi mới công nghệ; áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của quốc gia và quốc tế đối với từng loại sản phẩm; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm; áp dụng các công cụ quản lý, công cụ cải tiến năng suất cơ bản để giảm lãng phí, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm hàng hóa sau thu hoạch.

- Hỗ trợ cho 14 doanh nghiệp đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Hỗ trợ cho 55 doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, mô hình, các công cụ thống kê, các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng,....;

- 60% các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường (sản phẩm hàng hóa nhóm 2) được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật.

- Hướng dẫn và hỗ trợ cho 15 doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa của tỉnh được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy.

- Hỗ trợ 18 doanh nghiệp được trao tặng giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- Hỗ trợ cho việc lập hồ sơ và đăng ký cấp nhãn Bông sen xanh cho 12 -15 cơ sở lưu trú của ngành du lịch tỉnh;

- Đào tạo 12 chuyên gia tư vấn năng suất chất lượng mức cơ bản cho cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các sở ngành khác liên quan.

- Đến năm 2015, hỗ trợ tối thiểu 05 phòng thử nghiệm của doanh nghiệp được công nhận ISO/IEC 17025; ISO/IEC 17020; LasXD; ISO 9001,... nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nâng cao chỉ tiêu cạnh tranh của DN thông qua các chỉ số: tăng trưởng GDP của tỉnh và chỉ số cạnh tranh chung của tỉnh (xếp loại PCI của VCCI);

- Nghiên cứu chỉ số về yếu tố năng suất tổng hợp (TFP – Total factor productivity) để đánh giá mức độ đóng góp của năng suất chất lượng trong tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp và tốc độ tăng trưởng của tỉnh.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tình hình năng suất và chất lượng của ngành du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đo chỉ số hài lòng khách hàng và đề xuất giải pháp cải tiến năng suất chất lượng của ngành du lịch.

- Tổ chức Sơ kết dự án vào năm 2015.

2.2. Giai đoạn 2016-2020

- Tập huấn chuyên sâu, nâng cao nhận thức về năng suất, chất lượng theo cách tiếp cận mới cho các Sở, ban ngành, Doanh nghiệp trong tỉnh và các ban ngành của Huyện, thành phố

- Đào tạo về quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ cho 100% doanh nghiệp thuộc các ngành còn lại.

- Đẩy mạnh chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp về đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, mô hình, các công cụ thống kê, các công cụ cải tiến năng suất và chất lượng....;

- Tăng cường hướng dẫn và hỗ trợ cho các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, hỗ trợ các doanh nghiệp được trao tặng giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- 100% các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường (sản phẩm hàng hóa nhóm 2) được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật.

- Nhân rộng việc áp dụng Chương trình cải tiến năng suất chất lượng nâng cao cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Đào tạo nguồn nhân lực cho việc tuyên truyền, tư vấn và tổ chức triển khai phong trào năng suất chất lượng trong tỉnh.

- 10 phòng thử nghiệm của doanh nghiệp được công nhận ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020; LasXD; ISO 9001 nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Tổng kết thực hiện Dự án vào năm 2020.

- Căn cứ kết quả thực hiện dự án giai đoạn 2012-2015, các mục tiêu trên có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

IV. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung 1: Thúc đẩy hoạt động năng suất chất lượng trong tỉnh

a) Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

b) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, Đài Phát thanh và Truyền hình; UBND các huyện, thị xã và thành phố

c) Nội dung cụ thể:

- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhận thức về năng suất chất lượng theo cách tiếp cận mới, các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến các sản phẩm, hàng hóa chủ lực, năng suất xanh và vai trò của du lịch xanh đối với phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, các phóng sự, thông tin tọa đàm trên phát thanh truyền hình, các buổi hội thảo, diễn đàn;

- Xây dựng giáo trình đào tạo các công cụ cơ bản và tiên tiến cho việc cải tiến năng suất chất lượng trong doanh nghiệp;

- Đào tạo và hướng dẫn áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, năng suất xanh và du lịch xanh, giải pháp kỹ thuật cho các doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa chủ lực trong tỉnh nhằm chất lượng phục vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực cho các đối tượng cụ thể như sau: Các doanh nghiệp, cán bộ của các cơ quan quản lý chức năng trong tỉnh có liên quan

- Tập huấn, hướng dẫn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ có sản phẩm hàng hóa chủ lực trong tỉnh các kiến thức cơ bản về: khởi sự doanh nghiệp; quản trị doanh nghiệp; quản lý an toàn công nghiệp; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và đổi mới công nghệ; xúc tiến thương mại; các kiến thức về tiếp thị; nâng cao tay nghề của người lao động trong doanh nghiệp; thương hiệu; sở hữu trí tuệ,...

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất và chất lượng trong tỉnh đủ năng lực tư vấn áp dụng các công cụ cơ bản cải tiến năng suất chất lượng trong giai đoạn đầu và nâng cao trình độ trong các năm tiếp theo.

- Nghiên cứu, tính toán giá trị đóng góp của doanh nghiệp vừa và nhỏ vào GDP chung của toàn tỉnh; nghiên cứu cách tính tỷ lệ tăng trưởng của yếu tố năng suất tổng hợp TFP.

2. Nội dung 2: Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý và đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hóa, cải tiến năng suất chất lượng

a) Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

b) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu; Đài Phát thanh và Truyền hình; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nội dung cụ thể:

- Hỗ trợ các doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa chủ lực xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đáp ứng theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp và nhân rộng việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý như: ISO 9001, ISO 9004, ISO 14001, ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 27001, ISO 22000, ISO 26000, TQM, 5S, Kaizen, SA 8000, OHSAS 18000, HACCP.

- Hỗ trợ cho việc chứng nhận sản phẩm hàng hóa chủ lực trong tỉnh có chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn nước ngoài, Tiêu chuẩn quốc tế, Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn khu vực, nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng của các doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa chủ lực trong tỉnh

- Tôn vinh khen thưởng các cá nhân, đơn vị tích cực tham gia và thực hành năng suất, chất lượng có hiệu quả như: giải thưởng chất lượng quốc gia, giải thưởng Châu Á Thái Bình Dương...

d) Mức kinh phí hỗ trợ:

- Hỗ trợ toàn bộ kinh phí đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các giải pháp kỹ thuật, công cụ đo năng suất để nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước và khu vực.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận và giám sát các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng đáp ứng theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp và nhân rộng việc cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng như: ISO 9001, ISO 9004, ISO 14001, ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020; ISO/IEC 27001, ISO 22000, ISO 26000, TQM, 5S, Kaizen, SA 8000, OHSAS 18000, HACCP,... Mức hỗ trợ áp dụng như sau:

+ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 9004: tối đa 30 triệu đồng/doanh nghiệp.

+ Hệ thống quản lý ISO/IEC 17025, ISO 17020; ISO/IEC 27001, ISO 22000, ISO 26000, ISO 14001, TQM, SA 8000, OHSAS 18000, HACCP: tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

+ Các công cụ cải tiến NSCL khác như Kaizen, 07 công cụ thống kê, 5S,...: tối đa 30 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí chứng nhận sản phẩm hàng hóa chủ lực phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 30 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí tham dự cho các doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng quốc gia. Mức hỗ trợ áp dụng như sau:

+ DN đạt giải vàng chất lượng quốc gia: 25 triệu đồng/doanh nghiệp

+ DN đạt giải bạc chất lượng quốc gia: 20 triệu đồng/doanh nghiệp.

Mức hỗ trợ nêu trên là mức hỗ trợ tối đa, Hội đồng thẩm định căn cứ các quy định hiện hành, tình hình thực tế tại thời điểm xét duyệt, để quyết định mức hỗ trợ cụ thể, trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện.

3. Nội dung 3: Hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng của các doanh nghiệp thuộc ngành du lịch của tỉnh

a) Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

b) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài Phát thanh và Truyền hình; UBND các huyện, thị xã và thành phố

c) Nội dung cụ thể:

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tình hình năng suất và chất lượng của ngành du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đo chỉ số hài lòng khách hàng và đề xuất giải pháp cải tiến năng suất chất lượng của ngành;

- Tuyên truyền, giới thiệu về năng suất xanh nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí và vai trò của du lịch xanh đối với phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; đề cao trách nhiệm xã hội và môi trường trong mọi hoạt động du lịch;

- Phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN có liên quan đến ngành du lịch).

- Nghiên cứu “Bộ tiêu chí nhãn du lịch bền vững Bông sen xanh áp dụng đối với các cơ sở lưu trú du lịch” ban hành kèm theo quyết định số 1355/QĐ-BVHTTDL, ngày 12/4/2012.

- Chuẩn bị hồ sơ và đăng ký cấp nhãn Bông sen xanh cho 15 cơ sở lưu trú của ngành du lịch tỉnh; rút kinh nghiệm và nhân rộng cho giai đoạn sau.

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch của các doanh nghiệp ngành du lịch thông qua việc xây dựng và được cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho các cơ sở kinh doanh ăn uống; mua sắm theo nội dung của Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2008

d) Mức kinh phí hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí đăng ký và lập hồ sơ cho các Doanh nghiệp: tối đa 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

4. Nội dung 4: Hỗ trợ xây dựng, triển khai thí điểm Chương trình cải tiến năng suất chất lượng cho 06 doanh nghiệp có sản phẩm chủ lực của tỉnh (được quy định tại phụ lục I)

a) Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

b) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, Đài Phát thanh và Truyền hình; UBND các huyện, thị xã và thành phố.

c) Nội dung cụ thể:

- Thiết kế chương trình cải tiến năng suất chất lượng cho phù hợp với thực trạng và điều kiện cụ thể của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh. Nội dung chương trình tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý nguồn nhân lực.

- Soạn thảo và ban hành các tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp tham gia Chương trình cải tiến năng suất chất lượng; các quy định về việc điều hành, triển khai Chương trình;

- Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý chất lượng của các doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh;

- Thiết kế tài liệu và hướng dẫn trình tự các bước thực hiện chương trình cải tiến năng suất chất lượng trong một doanh nghiệp cụ thể theo các giai đoạn sau:

- + Giai đoạn chuẩn bị gồm: xây dựng kế hoạch tổng thể; thông báo đăng ký tham gia; trao đổi với lãnh đạo doanh nghiệp; văn bản đăng ký của doanh nghiệp; họp triển khai chương trình trong doanh nghiệp;
- + Giai đoạn đánh giá thực trạng năng suất chất lượng của doanh nghiệp: hướng dẫn xây dựng các chỉ số về năng suất; thu thập các dữ liệu về năng suất chất lượng; tổng hợp tình hình năng suất chất lượng của từng lĩnh vực hoạt động và toàn bộ doanh nghiệp;
- + Giai đoạn phân tích gồm: đánh giá, chẩn đoán để xác định mức năng suất của doanh nghiệp; đề xuất và thống nhất cách tiếp cận; nhận dạng những vấn đề cần ưu tiên cải tiến năng suất, chất lượng cho từng doanh nghiệp;
- + Giai đoạn cải tiến tập trung vào việc áp dụng các giải pháp, công cụ quản lý, cải tiến và đo lường năng suất chất lượng để giải quyết 3 vấn đề chính là: quản lý sản xuất; quản lý chất lượng và quản lý nguồn nhân lực của doanh nghiệp;
- + Giai đoạn tổng kết, bài học kinh nghiệm; chia sẻ và so sánh để tiếp tục cải tiến.

- Lựa chọn và triển khai thí điểm chương trình cải tiến năng suất chất lượng cho 06 doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

d) Mức kinh phí hỗ trợ: tối đa 300 triệu đồng/doanh nghiệp

Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp thí điểm áp dụng Chương trình cải tiến năng suất chất lượng thuộc các ngành chủ lực với các nội dung cải tiến tập trung chủ yếu vào: chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào; đổi mới công nghệ; áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của quốc gia và quốc tế đối với từng loại sản phẩm; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm; áp dụng các công cụ quản lý, công cụ cải tiến năng suất cơ bản để giảm lãng phí, nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm hàng hóa sau thu hoạch.

V. ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ THAM GIA, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ CỦA DỰ ÁN:

1. Điều kiện tham gia:

Tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia Dự án là các tổ chức, doanh nghiệp:

- Thuộc mọi thành phần kinh tế, được thành lập theo quy định của pháp luật, sản xuất các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.
- Đã đăng ký nộp thuế;
- Hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh;
- Có đủ nguồn lực (nhân lực, kinh phí và các nguồn lực khác liên quan) đảm bảo thực hiện các nội dung mà tổ chức/doanh nghiệp đăng ký.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia:

2.1. Tham gia nội dung 2 và 3 của dự án, hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký tham gia (theo mẫu);
- Giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Thuyết minh đề án.

2.2. Tham gia nội dung 4 của dự án: Doanh nghiệp lập hồ sơ đề đăng ký và cam kết đầu tư về tài chính, nhân lực đáp ứng yêu cầu của dự án. Hồ sơ gồm:

- Bản đăng ký và cam kết tham gia dự án;
- Giấy phép đăng ký kinh doanh;
- Đề xuất dự án năng suất và chất lượng của doanh nghiệp.

3. Phương thức hỗ trợ:

Doanh nghiệp nhận kinh phí hỗ trợ sau khi đã hoàn thiện xong dự án/đề án và được cơ quan quản lý dự án đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đạt yêu cầu.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Giải pháp về công tác thông tin, tuyên truyền

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tạo sự chuyển biến nhận thức sâu rộng hơn nữa cho các cấp, các ngành và doanh nghiệp bằng các hình thức đa dạng, phong phú như tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, phóng sự, tọa đàm,... đăng tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Giải pháp về tài chính

- Mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình Năng suất chất lượng được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16/9/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ V/v Quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” và các quy định tài chính hiện hành.

- Khi có sự thay thế, sửa đổi, bổ sung các quy định tài chính thì mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Chương trình Năng suất chất lượng cũng được thay đổi theo.

- Dự toán tổng kinh phí cho việc triển khai thực hiện giai đoạn 2012-2015 là 8.170.659.000 đồng (Tám tỷ, một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn). Chi tiết các nội dung và mức chi được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo dự án này.

3. Giải pháp về tổ chức và nhân lực

- Xây dựng mạng lưới các tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong tỉnh.

- Đào tạo đội ngũ giảng viên, chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất và chất lượng trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ thuật về Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng theo hướng hội nhập và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

4. Giải pháp lồng ghép nhiệm vụ với các Chương trình, dự án

Nghiên cứu lồng ghép các nhiệm vụ chủ yếu của dự án này với nhiệm vụ có liên quan thuộc các chương trình, dự án khác của tỉnh, quốc gia có cùng mục tiêu về nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh.

5. Giải pháp về hợp tác trong và ngoài nước

Tổ chức các hoạt động hợp tác với các đơn vị, tổ chức có kinh nghiệm hoạt động cải tiến năng suất chất lượng trong doanh nghiệp để đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia về năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban điều hành thực hiện Dự án

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ là Phó Ban thường trực.

- Lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan là ủy viên.

- Ban điều hành Dự án có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện và điều phối toàn bộ hoạt động của Dự án.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Dự án; tham mưu giúp Ban chỉ đạo thực hiện Dự án theo từng giai đoạn.

- Chủ trì chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xây dựng kế hoạch, dự toán triển khai, và các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho từng nội dung của Dự án trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện Dự án, điều hành hoạt động và thực hiện các dự án được phân công.

- Xây dựng Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo để Trưởng ban ký ban hành.

- Công bố, phổ biến Dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng và các đơn vị liên quan, các Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, hướng dẫn thủ tục cho các đơn vị có nhu cầu tham gia Dự án.

- Thành lập Hội đồng thẩm định nội dung và nghiệm thu đề án, dự án của các doanh nghiệp.

- Chỉ đạo kiểm tra và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình và báo cáo UBND tỉnh; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện Dự án.

- Điều chỉnh dự án để phù hợp với tình hình thực tế khi có sự thay đổi, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ)

- Là cơ quan thường trực triển khai dự án, có nhiệm vụ giúp Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, điều hành và thực hiện toàn bộ dự án; lập kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động hàng năm cho hoạt động của dự án tổng hợp vào kế hoạch của Chi cục để Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trực tiếp hướng dẫn thủ tục, theo dõi, đôn đốc các đơn vị có nhu cầu tham gia Dự án, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện dự án năng suất chất lượng tại các doanh nghiệp.

- Tham mưu thành lập hội đồng xét duyệt, nghiệm thu dự án của doanh nghiệp. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết để nắm tình hình thực hiện dự án của doanh nghiệp; báo cáo và đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

4. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ chế hỗ trợ và cơ chế quản lý đối với các nội dung của Dự án.

- Thẩm định và trình UBND tỉnh bố trí, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện Dự án đã được phê duyệt trong nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án, dự án của doanh nghiệp.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì và phối hợp triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ Doanh nghiệp của ngành công nghiệp trong Dự án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ các tổ chức, Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp cho Ban điều hành dự án xem xét và giải quyết.

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án, dự án của doanh nghiệp.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ các sản phẩm, hàng hóa của ngành nông nghiệp trong các nội dung của Dự án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ các tổ chức, Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp cho Ban điều hành dự án xem xét và giải quyết.

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án, dự án của doanh nghiệp.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ các sản phẩm, hàng hóa của ngành du lịch trong các nội dung của Dự án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ các tổ chức, Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch cho Ban điều hành dự án xem xét và giải quyết.

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án, dự án của doanh nghiệp.

8. Các Sở, Ban, ngành khác

- Phối hợp triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ các sản phẩm, hàng hóa của ngành quản lý thuộc Dự án.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ các tổ chức, Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực của đơn vị cho Ban điều hành dự án xem xét và giải quyết.

- Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án, dự án của doanh nghiệp.

9. Các cơ quan thông tin đại chúng

Đài phát thanh truyền hình, các báo, đài phối hợp với Ban điều hành dự án trong công tác thông tin tuyên truyền về Dự án nâng suất chất lượng của Tỉnh.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia Dự án, gắn kết các hoạt động kinh tế xã hội của đơn vị, địa phương với phong trào nâng suất, chất lượng của Tỉnh

11. Doanh nghiệp tham gia dự án

Cam kết thực hiện đúng các nội dung theo kế hoạch đã được phê duyệt, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình, tiến độ, kinh phí, những thuận lợi, khó khăn và đề xuất cho Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

VIII. KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

Kết quả đạt được của dự án “Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015” sẽ đóng góp vào kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” và phát triển kinh tế của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung cụ thể sau:

- Nâng cao nhận thức của của các ngành, các cấp về năng suất và chất lượng. Đặc biệt là doanh nghiệp đưa việc nâng cao năng suất và chất lượng là chiến lược quan trọng trong phát triển của mình.

- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về công tác tiêu chuẩn hóa, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất chất lượng, giải thưởng chất lượng,...tạo dựng phong trào năng suất và chất lượng cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực trong hội nhập kinh tế quốc tế của doanh nghiệp, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên